**HỘI THẢO PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH – 12/12**

**Ông Đậu Anh Tuấn – Trưởng Ban Pháp chế, VCCI**

Không thể có chính sách nào làm phù hợp và làm hài lòng tất cả, nhưng làm sao để có thể đạt được lợi ích lớn nhất; muốn làm được như vậy thì phải cần có những cuộc hội thảo trao đổi công khai. Để chuẩn bị cho hội thảo này, chúng tôi đã gửi công văn đề nghị ban soạn thảo là Bộ Thông tin truyền thông phối hợp với chúng tôi trực tiếp tham gia, chủ trì hội thảo này nhưng rất tiếc là Bộ Thông tin truyền thông cho rằng họ đã qua giai đoạn lấy ý kiến, cuối năm cũng rất bận nên đại diện của Bộ Thông tin truyền thông không tham dự. Tuy vậy, cũng rất cảm ơn Bộ Thông tin truyền thông đã gửi văn bản dự thảo bản mới nhất đến hội thảo. Đây là văn bản nghị định Chính phủ nên ban soạn thảo sẽ phải trình lấy ý kiến của Bộ Tư pháp, sau đấy trình lên Chính phủ lấy ý kiến Thanh tra Chính phủ và chắc chắn là cơ hội để các hiệp hội, doanh nghiệp ở đây đóng góp ý kiến là rất lớn. Hiện nay, các doanh nghiệp hoàn toàn có thể tham gia vào quá trình thẩm định của Bộ Tư pháp, kể cả trình lên Chính phủ thì chúng ta vẫn có không gian, cơ hội để nêu lên quan điểm của mình.

Qua trao đổi với các doanh nghiệp trong lĩnh vực này, chúng tôi thấy rằng đây là dự thảo nghị định có tác động lớn, thể hiện chuyển đổi lớn về mặt tư duy quản lý của nhà nước. Nhưng liệu nó có phù hợp hay không, khả thi chưa, có cản trở sự phát triển mạnh mẽ của ngành trong thời gian tới hay không? Đây là điều mà chúng tôi mong muốn các doanh nghiệp, hiệp hội cần phải có tiếng nói trong thời gian tới. Về chức năng nhiệm vụ của mình, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cùng với Hiệp hội Thương mại Hoa Kỳ tại Hà Nội chúng tôi sẽ ghi nhận đầy đủ, và nếu cần thiết sẽ có những ý kiến chính thức, trực tiếp gửi tới ban soạn thảo, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong thời gian tới. Chúng tôi cũng mong rằng dự thảo nghị định này sẽ đúng tinh thần của Chính phủ: bảo đảm lợi ích của quốc gia, của nền kinh tế đồng thời thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp.

Một lần nữa, chúng tôi rất cảm ơn Hiệp hội Thương mại Hoa Kỳ tại Hà Nội đã hợp tác với chúng tôi tổ chức hoạt động này và chúc cho hội thảo của chúng ta thành công tốt đẹp.

**Trình bày Dự thảo**

**Ông Nguyễn Minh Đức – chuyên gia của Ban Pháp chế, VCCI**

Do phía cơ quan soạn thảo không cử đại diện tham gia hội thảo, tôi đại diện thay mặt Ban Pháp chế, Phòng Thương mại trình bày lại nội dung của Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 06 này. Dự thảo quy định nhiều nội dung mang tính kĩ thuật rất cao của ngành truyền hình, chúng tôi là những cán bộ pháp chế do đó có thể có những nội dung kĩ thuật mà những người làm pháp chế như chúng tôi hiểu không chính xác, không đầy đủ, ở đây có nhiều doanh nghiệp làm trong lĩnh vực phát thanh – truyền hình, mong các doanh nghiệp có thể giúp chúng tôi làm rõ hơn những vấn đề này.

Chúng tôi dựa trên văn bản của Bộ Thông tin truyền thông gửi đến và trình bày lại dựa trên cách hiểu của mình. Nghị định 06/2016 đã trải qua hơn 2 năm triển khai và đến nay, theo như Tờ trình và Bản thuyết minh của Bộ Thông tin truyền thông thì nghị định này được sửa đổi bởi hai lý do chính: một số quy định đã không còn phù hợp trên thực tế và đã phát sinh ra một số loại dịch vụ phát thanh truyền hình mới trên thực tế nên cần đưa vào nội dung quản lý.

(trình bày lại nội dung dự thảo)

**Phiên thảo luận**

**Bà Nguyễn Minh Thảo – Trưởng ban, Ban Môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh, CIEM**

*Thứ nhất,* trong bản giải trình Bộ Thông tin truyền thông có nói rằng: “đây không phải là nghị định bổ sung thêm điều kiện kinh doanh (ĐKKD)”. Nhưng đáng quan ngại hơn, không bổ sung thêm ĐKKD nhưng bổ sung thêm các danh mục ngành nghề trong đó thì còn nghiêm trọng hơn bổ sung thêm ĐKKD. Trong danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Bộ Thông tin truyền thông, có ngành nghề là: dịch vụ phát thanh truyền hình trả tiền. Trong dự thảo này Bộ Thông tin truyền thông đã mở rộng phạm vi quản lý, lĩnh vực quản lý thì đối tượng không chỉ còn là phát thanh truyền hình trả tiền thông thường mà còn thêm nội dung theo yêu cầu, giá trị gia tăng… Tôi có cảm giác dự thảo nghị định này có hướng quản lý giống như cách quản lý trong lĩnh vực giao thông vận tải đối với Uber, Grab phải giống như taxi truyền thống mà lẽ ra chúng ta phải bỏ các điều kiện đó đi.

*Thứ hai,* liệu Cục Phát thanh truyền hình của Bộ Thông tin truyền thông có đủ năng lực để cấp phép số lượng rất lớn các dịch vụ, các nội dung theo yêu cầu trực tuyến hay không? Theo kinh nghiệm của chúng tôi trao đổi với doanh nghiệp, khi doanh nghiệp làm thủ tục với Bộ Thông tin truyền thông thì thời gian thực hiện vô cùng dài, vô cùng khó khăn, phức tạp. Bây giờ Bộ Thông tin truyền thông lại “ôm” thêm các công việc như vậy thì họ có đủ năng lực để cấp phép vô cùng lớn như thế hay không?

*Thứ ba,* đi sâu chi tiết vào nội dung, tôi cũng có một số nhận xét.

– Trước hết, chúng tôi rất mong muốn được nghe các doanh nghiệp chia sẻ cho chúng tôi về nội dung theo yêu cầu và nội dung giá trị gia tăng có khác gì hay không, và khi Bộ quản lý thêm thì tỉ lệ của các nội dung này như thế nào. Điều này rất quan trọng đối với chúng tôi để báo cáo lên Chính phủ, vì Chính phủ đã yêu cầu rằng phát sinh thêm một ĐKKD thì phải báo cáo với Chính phủ. Mà thêm một danh mục ngành nghề để quản lý thì đây phải là thẩm quyền của Quốc hội chứ không phải của Chính phủ.

– Bộ Thông tin truyền thông nói rằng sửa nghị định này để đảm bảo cạnh tranh và khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào thị trường, nhưng việc quy định cấp phép thì không thể gọi là khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào thị trường mà là tạo ra rào cản, vì thế những lập luận trong Tờ trình của Bộ đang đi ngược lại với nội dung trong Dự thảo. Trong lĩnh vực phát thanh truyền hình này, Bộ Thông tin truyền thông có căn cứ vào quy hoạch phát triển mạng lưới báo chí, phát thanh, truyền hình, số lượng kênh truyền hình trên cả nước… như vậy có phải là can thiệp quá sâu vào thị trường này hay không, có phải là khuyến khích hay không?

– Tương tự với truyền hình cáp: quy định không mở rộng phạm vi, không khuyến khích các dịch vụ truyền hình cáp tương tự… Những quy định này có trái không, Bộ Thông tin truyền thông có thể đưa ra quy định cấm kinh doanh ở cấp Nghị định hay không? Đề nghị Bộ Thông tin truyền thông nghiên cứu lại liệu có đang vượt quá thẩm quyền hay không, vì thẩm quyền cấm không được kinh doanh ngành nghề, mặt hàng… nào là thuộc về Quốc hội.

– Dự thảo nghị định này đã bổ sung Giấy phép Cung cấp dịch vụ theo yêu cầu trên mạng Internet, không thể nói đây không phải là bổ sung ĐKKD và còn can thiệp sâu vào hoạt động của doanh nghiệp khi đề ra danh mục nội dung cung cấp nội dung theo yêu cầu và yêu cầu doanh nghiệp phải có đề án cung cấp nội dung theo mẫu của Bộ Thông tin truyền thông. Về việc cấp các giấy phép trong lĩnh vực phát thanh truyền hình của Bộ Thông tin truyền thông, theo tôi chúng ta cần kiến nghị, cần có các ý kiến từ cộng đồng doanh nghiệp liệu có thực sự cần các giấy phép đó hay không?

– Khoản 4 Điều 14 dự thảo, nên cân nhắc lại cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình mà chỉ chịu trách nhiệm về mặt nội dung thì khi các nội dung này được bên khác phát hành online thì nên quản lý như thế nào, có cần thiết bắt buộc các cơ quan này cũng phải có giấy phép cung cấp dịch vụ trên mạng internet hay không khi họ chỉ chịu trách nhiệm về nội dung.

– Nội dung về thời hạn giấy phép biên tập trước đây quy định tối đa 10 năm, dự thảo sửa đổi thời hạn giấy phép còn 5 năm. Không rõ cơ sở nào để cơ quan soạn thảo thay đổi thời hạn này, tôi nhớ rằng theo Luật Xuất bản là không có thời hạn.

– Không liên quan trực tiếp đến nội dung dự thảo nghị định này, nhưng tôi cũng muốn biết rằng khi soạn thảo nghị định này Bộ Thông tin truyền thông có đánh giá được hiện nay có khoảng bao nhiêu dịch vụ được cung cấp trên Internet hay không? Bởi việc đăng ký này sẽ tốn thời gian và chi phí của doanh nghiệp. Nếu như số lượng dịch vụ đang cung cấp là quá nhiều thì cho dù có giảm thời gian thủ tục online thì khối lượng đăng ký vẫn rất là lớn. Chúng tôi đã từng làm việc với các doanh nghiệp và doanh nghiệp phản ánh rằng thời gian làm việc với Bộ Thông tin truyền thông kể cả với các thủ tục hành chính cấp độ 4, thực hiện trực tuyến thì thời gian để được cấp phép vẫn rất nan giải.

**Ông Nguyễn Văn Nhiêm – Hiệp hội Phát hành và phổ biến phim**

Cá nhân tôi thấy dự thảo này đang mở rộng phạm vi quản lý ra rộng hơn, đưa những quy định thuộc thẩm quyền Chính phủ, Quốc hội vào dự thảo… nhìn chung có cảm giác đang tạo ra sự phức tạp và làm cho doanh nghiệp khó khăn hơn khi hoạt động.

Hay như định nghĩa về OTT, dự thảo đã đưa vào cả những nội dung, lĩnh vực nằm ngoài lĩnh vực quản lý của Bộ Thông tin truyền thông trong vấn đề phim điện ảnh, hay yêu cầu tỉ lệ 3% tổng số chương trình phát hành. Quy định như vậy sẽ chồng chéo với các văn bản khác và không rõ ai là người quản lý, Bộ Thông tin truyền thông hay Bộ Văn hoá – Thể thao – Du lịch, dẫn đến doanh nghiệp không thể biết mà tuân thủ pháp luật cho đúng được. Cảm nhận rất rõ ở đây là tôn chỉ của Bộ Thông tin là giảm thủ tục hành chính, nhưng trong dự thảo lại đưa ra hình thức mới, tăng cường giấy phép con, các điều kiện để hoạt động kinh doanh, sản xuất…

**Đại diện Phòng Đối ngoại và chính sách, Công ty Cổ phần VNG**

Điều 3, khoản 18 Dự thảo yêu cầu các chương trình truyền hình trong nước, nước ngoài, bao gồm các chương trình trực tiếp theo thời điểm diễn ra sự kiện và các nội dung hình ảnh, âm thanh trong nước, nước ngoài khác đáp ứng quy định về phim ảnh của pháp luật Việt Nam. Điều khoản này có phần quy định về “nội dung hình ảnh, âm thanh khác” rất khái quát, rất rộng, dễ quy chụp nhiều đối tượng ảnh hưởng.

Doanh nghiệp có câu hỏi là: trong trường hợp doanh nghiệp đang hoạt động theo giấy phép là mạng xã hội, mà nội dung chia sẻ trên mạng xã hội đó phần lớn là do người dùng đưa lên thì các nội dung đó liệu có bị coi là đối tượng chịu ảnh hưởng của các quy định này không? Nếu các nội dung nói trên là đối tượng chịu ảnh hưởng của quy định này thì doanh nghiệp sẽ phải tuân thủ rất nhiều các yêu cầu về cấp phép, biên tập nội dung… dẫn đến tốn kém thời gian, chi phí.

**Ông Vũ Tú Thành – Hội đồng kinh doanh Mỹ – ASEAN**

Chúng tôi vừa là đại diện cho các doanh nghiệp Hoa Kỳ, cũng đồng thời tư vấn cho Hiệp hội ABO Châu Á, trước đây tên là Hiệp hội Truyền hình trả tiền Châu Á và cũng có thời gian làm việc với Cục Phát thanh truyền hình tương đối lâu.

Dự thảo nghị định sửa đổi Nghị định 06 này, phần thêm chính là phần quản lý OTT – gọi tắt là truyền hình Internet (theo cách gọi của Bộ Thông tin truyền thông). Quan điểm của cơ quan quản lý là muốn tạo ra một sân chơi công bằng giữa các loại truyền hình dịch vụ khác nhau (analog, cáp, vệ tinh, di động…). Trong khoảng 3 năm trở lại đây, truyền hình OTT chiếm thị phần ngày càng tăng với tốc độ tăng trưởng rất mạnh. Đối với các loại hình truyền hình truyền thống để đạt được đến 1 triệu thuê bao ít nhất mất khoảng 3 năm kể từ khi chính thức bắt đầu. Trong khi OTT mới được cấp phép khoảng giữa năm 2016, bắt đầu triển khai mạnh vào cuối 2016 và chỉ sau 1 năm đã đạt được hơn 1 triệu thuê bao. Ngoài việc tăng trưởng mạnh, OTT còn có ý nghĩa trong việc cung cấp dịch vụ truyền hình xuyên biên giới. Trước đây, các kênh dịch vụ truyền hình nước ngoài cung cấp dịch vụ vào Việt Nam được quản lý rất chặt chẽ thông qua 2 công cụ: Đăng ký xin giấy phép (thông qua doanh nghiệp đại lý tại Việt Nam) và Giấy phép biên tập phiên dịch (qua cơ quan báo chí tại Việt Nam). Đối với OTT, hiện nay chưa có cơ sở cấp phép, các cơ quan quản lý bắt buộc phải xây dựng các quy định mới. Khi xây dựng các quy định mới này, quan điểm của cơ quan quản lý là muốn đảm bảo sự công bằng: khi các kênh truyền hình truyền thống phải chịu 2 công cụ như trên thì OTT cũng phải chịu như vậy. Tuy nhiên, khi áp dụng cách quản lý cũ với công nghệ mới thì lại gặp phải nhiều bất cập. Từ góc độ đại diện cho các công ty cung cấp dịch vụ OTT của chúng tôi, chúng tôi đã có các văn bản góp ý và gặp gỡ nhiều lần với cơ quan soạn thảo, thì dự thảo lần thứ 4 này so với các dự thảo ban đầu cho thấy ban soạn thảo đã có tiếp thu rất tích cực.

Tuy vậy, vẫn còn những điểm thuộc về mặt nguyên tắc mà cơ quan quản lý rất khó dung hoà được. Ví dụ như khoản 2 Điều 4 dự thảo quy định “thông qua tên miền của trang thông tin điện tử Internet xác định”, vậy đặt ra câu hỏi là dịch vụ không thông qua tên miền là địa chỉ Internet do Việt Nam thì quản lý như thế nào? Tương tự, điểm e, khoản 1, Điều 4 dự thảo: “Dịch vụ PT-TH theo yêu cầu trên mạng Internet là dịch vụ PT-TH sử dụng kết nối mạng Internet của trang thông tin điện tử thông qua mạng Internet xác định”. Nếu đối chiếu điểm a và điểm b, khoản 2, Điều 4 dự thảo nghị định này, điểm b bỏ đi cụm từ “tên miền và địa chỉ do Việt Nam quản lý”. Ban soạn thảo không đưa ra nguyên tắc quản lý cụ thể. Chúng tôi đang hiểu nôm na là dịch vụ nước ngoài theo yêu cầu – tức là có thu tiền thì sẽ bị quản lý, còn dịch vụ miễn phí thì cũng khó có cơ sở để quản lý nên không quản lý.

Bổ sung quy định tại Điều 12a về cấp phép cho dịch vụ OTT, trong đó có yêu cầu: “Dự kiến danh mục nội dung theo yêu cầu, nội dung GTGT sẽ cung cấp trên dịch vụ PT-TH”. Theo Nghị định 06 hiện nay, trong hồ sơ cấp phép có yêu cầu phải gửi trước khung chương trình dự kiến (giờ nào phát sóng chương trình gì, nội dung như thế nào…). Đối với truyền hình truyền thống thì có thể làm được điều này vì một ngày chỉ có 24 giờ. Tuy nhiên đối với OTT thì rất là khác, datalouge rất lớn, có thể cung cấp cùng lúc hàng chục, ngàn bộ phim với hàng triệu giờ video và được cập nhật liên tục. Doanh nghiệp rất khó để có thể cung cấp được. Cũng liên quan đến ý này, trong hồ sơ cấp phép lại yêu cầu phải có “văn bản thoả thuận bản quyền” đối với nội dung cấp trên dịch vụ. Do nội dung được cập nhật liên tục nên không thể làm được chuyện gửi trước văn bản thoả thuận. Trừ khi cơ quan soạn thảo có cơ chế cập nhật bản quyền theo thời gian thực, làm trực tuyến. Còn nếu quy định gửi trước thì không khả thi, không phù hợp với mô hình kinh doanh.

Về các kênh chương trình thiết yếu, Nghị định 06 hiện hành yêu cầu các nhà cung cấp truyền hình trả tiền có nghĩa vụ phải cấp phát 7 kênh truyền hình thiết yếu của quốc gia và 1 kênh truyền hình thiết yếu của địa phương, nếu không thực hiện có thể bị phạt lên đến 90 triệu. Quy định này áp dụng cho OTT sẽ gặp phải các vấn đề như sau:

– Không có cách xác định địa bàn để xác định kênh thiết yếu địa phương (giống như vấn đề của TH vệ tinh).

– Quy định tối thiểu 30% là nội dung trong nước đối với OTT là bất hợp lý. Một là bằng cách nào đó công nghiệp sản xuất nội dung của Việt Nam phải phát triển đột biến; Hai là phải giới hạn quy mô của dịch vụ OTT để cho phù hợp với năng lực sản xuất của Việt Nam. Ví dụ như năng lực sản xuất của Việt Nam chỉ làm được khoảng 100.000 giờ video thì dịch vụ OTT của Việt Nam chỉ cung cấp khoảng 400.000 giờ video, như vậy sẽ giới hạn khả năng tiếp cận dịch vụ của người dùng Việt Nam rất nhiều.

Đây chỉ là một số ví dụ cho thấy sự bất cập khi mà cơ quan quản lý cố gắng quản lý OTT cho công bằng với các dịch vụ hiện hành, đó là những thách thức đến từ cốt lõi vấn đề mà không xử lý được. Cơ quan quản lý Việt Nam nên theo thông lệ quốc tế, coi OTT là một loại hình mới khác với truyền hình truyền thống, chúng chỉ giống nhau về mặt nội dung còn về mô hình kinh doanh, công nghệ vận hành là hoàn toàn khác nên cần tư duy quản lý khác. Nếu không sửa đổi thì tôi cho rằng tuổi thọ của văn bản này sẽ không được lâu, đưa vào thực tế sẽ va chạm rất nhiều khó khăn, không thi hành, áp dụng được và sẽ lại phải điều chỉnh.

**Ông Đậu Anh Tuấn**

Trân trọng cảm ơn ý kiến của ông Vũ Như Thành. Anh Thành có nói về thay đổi rất lớn của dự thảo là điều chỉnh cả OTT. Đây là mô hình, phương thức kinh doanh mới, liệu có nên cách thức quản lý riêng hay áp vào cách quản lý với các mô hình truyền thống. Nó cũng có phần na ná với cách Bộ Giao thông vận tải đang tìm cách quản lý Grab và Uber giống với taxi truyền thống, sẽ được mặt này và mất những mặc khác. Tiếp Theo xin mời công ty luật Baker McKenzie – thành viên của Hiệp hội Thương mại Hoa Kỳ tại Hà Nội

**Ông Đặng Thanh Sơn – Công ty luật Baker McKenzie**

Tôi xin chia sẻ một chút thông tin thực tế: Năm 2017, tổng thị trường truyền hình trả tiền của Việt Nam có khoảng 14 triệu thuê bao, có 7.500 tỉ doanh thu. Năm 2016 có 12 triệu thuê bao, tổng doanh thu là 12.000 tỉ. Rất nhiều người cho rằng vấn đề này là do OTT khiến cho truyền hình trả tiền bị giảm doanh thu. Tôi đã hỏi rất nhiều người và bản thân tôi cũng là một luật sư dành nhiều thời gian nghiên cứu cho lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền hình, tôi khẳng định rằng OTT chỉ là một phần tác động, phần còn lại đến từ vấn đề nội dung của các công ty truyền hình trả tiền. Nếu chúng ta quay trở lại nhiều năm về trước, khi Tập đoàn Viễn thông Quân đội ra mạng di động đầu tiên cũng đã rất nhiều người phản đối và đề nghị không kết nối, nhưng nếu như không có sự xuất hiện của nhà mạng thứ 3 này thì có lẽ bây giờ chúng ta vẫn gọi điện từ Hà Nội vào TP. Hồ Chí Minh với 1 phút điện thoại tương đương giá 1 bát phở. Với cách tiếp cận như vậy thì cũng tương tự với OTT.

Cách đây 4 – 5 năm, các nhà mạng ở Việt Nam cũng có ý định ngăn chặn các dịch vụ OTT trên điện thoại di động, tức là sẽ cắt tất cả các dịch vụ có chức năng gọi điện, nhắn tin như: zalo, imesssage, whatsapp… nhằm tăng doanh thu cho dịch vụ thoại. Rất nhiều ý kiến tại các hội thảo lúc đó phản biện con đường như vậy là không đúng. Chiến lược phát triển phải là hợp tác giữa OTT và các dịch vụ mạng di động. Hiện nay, chúng ta có các gói sử dụng facebook không phải trả tiền, không phải trả cước data. Tại sao các công ty di động họ chấp nhận việc này? Vì người dùng khi sử dụng mạng của họ để sử dụng facebook thì cũng sẽ sử dụng các dịch vụ dữ liệu khác nữa, và cái nhà mạng hướng tới bán dung lượng cho người dùng. Cách đây 15 – 20 năm các nhà mạng ở Việt Nam có 80% doanh thu từ thoại, 20% doanh thu từ data. Bây giờ đã đảo ngược doanh thu từ data lớn hơn doanh thu từ thoại. Rất nhiều nước trên thế giới người ta đã bàn đến câu chuyện “zero”, tức là dịch vụ thoại đưa về 0 và người ta chỉ bán dung lượng. Đây là cách tiếp cận của chúng tôi với dịch vụ OTT.

Theo quy định của dự thảo, cơ quan quản lý nhà nước đang hướng tới quản lý, điều chỉnh dịch vụ OTT có trả tiền. Định nghĩa dịch vụ OTT, quản lý dịch vụ OTT không phải câu chuyện của riêng Việt Nam mà của nhiều nước trên thế giới. Dưới thời Tổng thống Obama đã có một phương thức tiếp cận để quản lý: trên một hạ tầng thì chúng ta phải đối xử công bằng. Có nghĩa là trên một hạ tầng của viễn thông thì những người tham gia trên cùng một hạ tầng đấy đều phải được đối xử công bằng. Theo tôi đây là cách tiếp cận đối với dịch vụ OTT.

Dịch vụ OTT và dịch vụ truyền hình trả tiền là khác nhau, không thể đánh đồng. Mô hình, phương thức kinh doanh của OTT là dựa trên các platform. Chúng ta đang đưa cách quản lý của truyền hình truyền thống phát sóng theo khung giờ với mô hình kinh doanh theo phương thức khác: người dùng xem bất kỳ chương trình vào bất kỳ thời gian rỗi mà họ thích. Truyền hình truyền thống là ấn định khung giờ, áp dụng cách tiếp cận này để quản lý là lỗi thời. Không chỉ ở Việt Nam mà cả ở Mỹ cũng vậy, số lượng người dùng truyền hình OTT tăng rất nhanh. Việt Nam nhiều công ty đã phát triển OTT. Những người đang làm truyền hình truyền thống đang nhảy sang làm OTT, vì OTT đang là xu thế mới, là tất yếu giống như câu chuyện Internet, phát triển theo nhu cầu của thị trường. Cơ quan soạn thảo cần thấy được đây là xu thế, chúng ta có thể dùng chính sách để tạo được xu thế nhưng cũng sẽ đến lúc thị trường dẫn dắt và thị trường tự tạo ra xu thế.

Về cam kết WTO của Việt Nam về dịch vụ nghe nhìn, ban soạn thảo đang quy định tất cả doanh nghiệp OTT nước ngoài muốn cung cấp dịch vụ ở Việt Nam phải thành lập pháp nhân ở Việt Nam. Luật Đầu tư có quy định thành lập công ty ở Việt Nam phải xin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, là 2 giấy phép cơ bản liên quan đến dự án đầu tư. Đối với dự án đầu tư theo lĩnh vực, nếu nghị định bỏ lửng như vậy, câu hỏi đặt ra là tỉ lệ sở hữu của NĐT nước ngoài trong doanh nghiệp OTT là bao nhiêu? Quay trở lại với cam kết WTO của Việt Nam từ 2007 chưa có loại hình dịch vụ OTT, nên trong cam kết chúng ta không có. Lấy căn cứ đàm phán từ 15 – 20 năm trước ra để áp vào tình hình công nghệ mới hiện tại thì đương nhiên sẽ không giải quyết được. Lúc đấy sẽ dẫn đến câu chuyện cơ quan cấp phép sẽ tuỳ nghi đặt ra hạn mức tỉ lệ. Cách tiếp cận như vậy sẽ dẫn đến sự tuỳ tiện trong cấp phép.

Về vấn đề biên tập và biên dịch, ai sẽ là người biên tập và biên dịch, đây có thể tạo ra lỗ hổng trong quản lý cấp phép. Quy định hiện hành yêu cầu phải có cơ quan báo chí có phiên dịch. Với lượng nội dung lớn trên dịch vụ OTT thì các tổ chức, cơ quan có đủ đội ngũ, năng lực để biên dịch tất cả các phim và nội dung trên OTT hay không? Và ai sẽ là người cấp phép, hay lại có câu chuyện một người làm nhiều bộ hồ sơ rồi thành lập một công ty độc quyền về biên tập, biên dịch. Đây là những câu chuyện đã xảy ra rồi, chúng ta phải thừa nhận. Thứ hai về vấn đề biên tập, biên dịch, quy định trong dự thảo ám chỉ việc dịch cả phim và nhạc. Tôi chưa thấy một nước nào dịch âm nhạc cả. Việc dịch các bài hát sẽ làm mất đi ý nghĩa bài hát; với số lượng đồ sộ hàng triệu bản nhạc với nhiều thứ tiếng (tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha…) thì không thể dịch được.

Về hạn ngạch, giới hạn các kênh truyền hình nước ngoài, hiện nay không có quốc gia nào trên thế giới quy định tỉ lệ kênh trên truyền hình. Việc nay nên để cho thị trường tự quyết. Nó giống như việc 30% ăn phở hay 70% ăn cơm là do người mua quyết định, do chất lượng mặt hàng, do thị trường tự quyết.

Một vấn đề nữa là “Cấm các quảng cáo được cài sẵn từ nước ngoài” (Điều 17). Quảng cáo (nếu có) phải thực hiện tại Việt Nam, tuân thủ quy định về pháp luật Việt Nam về quảng cáo. Tôi nghĩ người soạn cần phải hiểu rất rõ về lĩnh vực quảng cáo, vì quy định như vậy là đang vi phạm cam kết WTO. Việt Nam đã cam kết với WTO, với các nước là Việt Nam sẽ không hạn chế quảng cáo từ nước ngoài vào Việt Nam. Thực tế, lĩnh vực quảng cáo ở Việt Nam thì 80% nội dung quảng cáo là nước ngoài, kể cả doanh thu các doanh nghiệp quảng cáo ở Việt Nam cũng là đang sản sinh doanh thu cho doanh nghiệp nước ngoài; nội dung quảng cáo ở nước ta đang là yếu.

Chia sẻ thêm về kinh nghiệm của các nước, nước gần chúng ta nhất là Thái Lan đang để cho các nhà mạng tham gia vào thị trường OTT, các nhà mạng có quyền tạo tiếng nói, thương hiệu trong thị trường OTT. Singapore tiếp nhận tất cả các khuyến nghị của ITU – Liên minh Viễn thông Quốc tế, họ quy định doanh nghiệp phải đóng 7% thuế cho nhà nước Singapore. Câu chuyện của quản lý nhà nước, theo tôi có 3 thứ: thuế; tuân thủ các giá trị văn hoá và đảm bảo lợi ích của người tiêu dùng. Chính phủ Singapore xác định không hạn chế OTT và bắt tay với tất cả các công ty OTT để phát triển truyền thông, truyền hình và có thể là hình mẫu để chúng ta học hỏi theo. Ở Châu Âu, năm 2017 Uỷ ban Châu Âu đã khuyến nghị tạo sân chơi bình đẳng cho dịch vụ OTT cạnh tranh lành mạnh với các dịch vụ khác, được đối xử độc lập và đảm bảo vấn đề về quyền lợi, an toàn cho trẻ em. Đồng thời phải tuân thủ các quy định của Châu Âu về bảo đảm về dữ liệu, an toàn trẻ em, vấn đề về văn hoá… Tương tự ở Úc và Hồng Kông họ đều khuyến nghị tạo sân chơi, điều kiện cho OTT phát triển không chỉ trong lĩnh vực truyền hình mà trong cả gọi điện, nhắn tin. Quay trở lại vấn đề OTT truyền hình thì có gì khác OTT trên điện thoại hay không? Nếu cấm được OTT theo cách như chúng ta đang quy định trong dự thảo thì các nhà mạng ở Việt Nam thừa sức để lobby với Chính phủ về thực hiện cấm các dịch vụ tin nhắn, gọi điên qua OTT. Nhưng các nhà mạng không làm, họ chấp nhận và phát triển cùng với OTT. Họ lựa chọn bán dung lượng, bán dữ liệu.

Cuối cùng, tôi muốn chia sẻ vấn đề làm thế nào để phát triển ngành truyền thông số ở Việt Nam. Qua hơn 10 năm kinh nghiệm đã công tác, khảo sát ở các nước Nam Phi, châu Mỹ, châu Á, châu Âu, cùng với Viettel thành lập các nhà mạng ở nhiều nước, tôi thấy được rằng những nước có chính sách thông thoáng cho phát triển viễn thông, công nghệ sẽ là những nước có tăng trưởng GDP đột biến. Solvakia là một hình mẫu, khi tách ra không phải một nước mạnh, nhưng với hạ tầng viễn thông hiện nay và tỉ lệ người sử dụng smartphone của Solvakia đã góp phần khiến cho năng lực quản lý của cơ quan nhà nước và dân trí của người dân tăng trưởng mạnh. Hay nước Peru ở Nam Mỹ gần đây đã học tập chính sách của Thuỵ Sĩ thì hạ tầng viễn thông, truyền hình đã phát triển mạnh. Đây là xu thế, các công ty truyền hình sẽ phải chấp nhận thay đổi để tham gia được cuộc chơi. Thà chúng ta thay đổi và chấp nhận xu thế còn tốt hơn níu kéo phương thức kinh doanh cũ và chịu lỗ. Theo thông tin tôi có được thì 3 tháng gần đây nhất tất cả các đài đều lỗ, các kênh truyền hình đều lỗ ngoại trừ TH Vĩnh Long do có một số khách hàng quảng cáo tốt. Hay gần đây giá quảng cáo 30 giây cho 1 slot quảng cáo trên truyền hình Việt Nam vào đêm chung kết bóng đá bán với giá 1 tỷ đồng; tôi nghĩ điều đấy sẽ không xảy ra nếu có OTT.

**Ông Đậu Anh Tuấn**

Cảm ơn luật sư Đặng Thanh Sơn. Cách đây 1 năm tôi cũng có tham dự Diễn đàn 20 năm Internet Việt Nam và anh Dương Hoài Nam tại diễn đàn có chia sẻ rằng qua theo dõi tại Việt Nam, những lĩnh vực nào mở cửa, hội nhập thì lĩnh vực đấy sẽ phát triển nhanh, cụ thể như là Internet. Tiếp Theo xin mời đại diện của Viettel TV.

**Đại diện Viettel TV**

Điều quan trọng trước tiên tôi muốn nói ở đây là định nghĩa của Bộ Thông tin truyền thông là “truyền hình trên mạng internet” chứ không phải OTT, cái này không phải là OTT theo định nghĩa của thế giới. Định nghĩa của thế giới về OTT là “dịch vụ được chạy trên hạn tầng Internet”, bất kể nó là Internet trên hạ tầng gì (3G, 4G, Wifi…). Như vậy là sai hoàn toàn về định nghĩa, tôi đã đóng góp ý kiến này lên Bộ rồi và chưa thấy phản hồi, cũng chưa thấy sửa đổi trong bản dự thảo này.

Thứ hai, liên quan đến dịch vụ OTT dự thảo định nghĩa “dịch vụ phát thanh truyền hình trên mạng Internet là loại hình dịch vụ PT – TH sử dụng kết nối Internet thông qua tên miền trang thông tin điện tử…” thì đây cũng là một ý kiến đã được nêu ra, tôi muốn nhắc lại là bây giờ không ai dùng tên miền để cung ứng dịch vụ nữa, người dùng chỉ cần cài một ứng dụng (app) vào điện thoại và truy cập. Điều này nó dẫn đến chuyện doanh nghiệp phải xin rất nhiều giấy phép, như chúng tôi chỉ cung cấp 1 dịch vụ truyền hình Viettel TV xem được trên TV, laptop, di động… thì phải xin giấy phép cho từng dịch vụ. Trong khi đó bản chất xem trên laptop hay di động thì vẫn là xem trên Internet.

Tiếp theo, là vấn đề định nghĩa lại thế nào là truyền hình trả tiền, thế nào là truyền hình quảng bá. Luật định nghĩa truyền hình quảng bá là truyền hình sử dụng ăng-ten (giống như ăng-ten râu hay các loại ăng-ten, ăng-ten chảo lắp trên nóc nhà ngày xưa). Còn các dịch vụ truyền hình như sử dụng dây cáp thì có gọi là quảng bá hay không? Quy định pháp luật không nên giới hạn hạ tầng truyền hình quảng bá và hạ tầng truyền hình trả tiền. Chúng tôi từng gặp phải vấn đề về bản quyền phát AFF Suzuki Cup, VTV6 mua được bản quyền và phát quảng bá, và một bên là Next Media mua bản quyền và phát trên hạ tầng truyền hình trả tiền. Vậy thế nào là hạ tầng trả tiền và thế nào là hạ tầng quảng bá? Nếu nói vệ tinh là truyền hình quảng bá thì K+ không vi phạm gì cả vì họ sử dụng vệ tinh, nhưng nếu VTVcab và Viettel TV kéo dây cáp vào các khu chung cư (vì không thể lắp được ăng-ten) thì không phải là hạ tầng quảng bá, vì định nghĩa khác nhau về hạ tầng. Chúng ta cần thay đổi nhận thức quản lý trước đây hạ tầng là giới hạn, bây giờ dịch vụ mới là giới hạn chứ không phải hạ tầng. Nếu như bây giờ tôi đưa dây cáp vào nhà và khách hàng xem không phải trả tiền thì đấy là truyền hình quảng bá chứ đâu phải truyền hình trả tiền.

Đó là sự thích ứng giữa quản lý nhà nước và công nghệ dịch vụ. Trước đây chúng ta chỉ có 5 – 7 công ty, đài truyền hình, hiện nay đã có gần 200 kênh truyền hình. Nhưng xu thế hiện nay đã là 5 tỉ, 7 tỉ kênh truyền hình trên thế giới, mỗi người là một kênh truyền hình và tự đăng tải nội dung của họ. Vậy mô hình quản lý như thế nào, làm sao để thích ứng xu thế? Đối với lĩnh vực truyền hình thì nó có phần đặc biệt hơn, do nó có tác động lớn đến xã hội, tạo ra xu thế cho xã hội, ảnh hưởng đến văn hoá, đời sống. Chúng ta phải quản lý làm sao để những công ty nước ngoài như Netflix không thâm nhập vào thị trường Việt Nam nhưng lại chiếu một bộ phim vớ vẩn, xuyên tạc lịch sử hay nói xấu Đảng, chính trị, nhà nước, gây chia rẽ, bè phái… Không quản lý thì không được nhưng phải quản lý như thế nào để có lợi cho doanh nghiệp.

Tóm lại, các vấn đề cụ thể: định nghĩa lại hạ tầng và tính chất dịch vụ cho rõ ràng (truyền hình trả tiền và quảng bá); định nghĩa lại OTT cho chính xác; không nên phân biệt hạ tầng truyền hình cáp, vệ tinh… là truyền hình truyền thống vì các phương thức truyền hình này cũng đã hỗ trợ người dùng tua lại các chương trình trước đó để xem lại; không nên giới hạn tỉ lệ 30% nội dung trong nước vì chúng tôi phải phục vụ nhu cầu thị trường, ai sẽ chịu trách nhiệm duy trì cho 30% nội dung chi phí đó; vấn đề về nội dung GTGT quảng cáo là không hợp lý, việc đưa quảng cáo nào, vào đâu, cho đối tượng người xem nào thì phần mềm chúng tôi làm chứ không phải sang cơ quan báo chí nào cả và đơn giản hoá việc làm hồ sơ báo cáo về nội dung theo yêu cầu và nội dung GTGT, làm sao chỉ cần báo cáo hàng tháng có bao nhiêu bộ phim, tên phim là gì, chứ không phải đếm từng bộ phim như hiện nay.

**Ông Hán Hữu Hải – TV group**

Chúng tôi là một startup trong lĩnh vực PT – TH, được tập đoàn Google đầu tư và chúng tôi phải sử dụng nền tảng lưu trữ đám mây, máy chủ của Google. Nhưng quy định pháp luật lại bắt buộc chúng tôi phải sử dụng máy chủ đặt tại Việt Nam, địa chỉ IP, host sever… tất cả tại Việt Nam khiến chúng tôi cũng chưa thể đăng ký được. Chúng tôi là đơn vị làm theo mô hình thương mại điện tử, như vậy chúng tôi lại phải xin giấy phép của Bộ Công Thương làm sàn giao dịch thương mại điện tử. Tính cả giấy phép xin phát sóng 8 kênh truyền hình cơ hữu của Việt Nam nữa là chúng tôi phải làm ít nhất 3 giấy phép. Đến giờ sản phẩm của chúng tôi đã hoàn thành nhưng chưa thể đưa ra thị trường vì giấy phép chưa có, chưa dám chạy. Chúng tôi đã kiến nghị lên Cục phát thanh và truyền hình rằng mô hình của chúng tôi rất là mới, giống như Grab và Uber trong vận tải thì đây là trong ngành nội dung, truyền thông số, vậy chúng tôi phải làm thế nào thì cơ quan chức năng trả lời là cứ nộp hồ sơ lên, chúng tôi đã nộp hồ sơ lên 3 nơi và vẫn chưa được trả lời, chưa biết phải làm thế nào để vận hành. Quy định pháp luật đang bó hẹp và không có cửa cho các mô hình mới phát triển, đến với công chúng.

**Ông Đậu Anh Tuấn**

Khó khăn mà anh Hải gặp phải chắc chắn là khó khăn của rất nhiều start-up hiện nay: có ý tưởng, có nguồn lực nhưng không thể đáp ứng được quy định pháp luật theo cách thức quy định hiện này. Như anh Hải đã liệt kê, để đáp ứng đủ và xin đủ rất nhiều loại giấy phép như vậy có thể là trở ngại dập tắt bất cứ mong muốn khởi nghiệp nào. Tôi mong rằng các quy định pháp luật của Chính phủ và các bộ, ngành cần phải tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, các start-up trẻ. Đừng đẩy những người trẻ, đẩy những ý tưởng kinh doanh của Việt Nam sang Singapore, sang các nước khác.

**Trưởng Phòng Pháp chế, Đài truyền hình Việt Nam**

Nhìn một cách tổng quát, dự thảo nghị định này đang chưa theo kịp thực tiễn đang diễn ra. Nếu quy định pháp luật mà đi sau thực tiễn thì chỉ 1 – 2 năm là lại phải sửa đổi, thực tế là Nghị định 06/2016/NĐ-CP mới được hơn 2 năm chúng ta đã phải sửa. Chúng tôi cũng mong muốn VCCI gửi ý kiến cho Bộ Tư pháp chứ không chỉ cho Bộ Thông tin truyền thông vì quan điểm của họ đã thể hiện trong dự thảo rồi, cũng khó để họ sửa lại.

Như ý kiến từ đại diện Viettel TV, các định nghĩa, khái niệm về truyền hình Internet, OTT không phản ánh đúng thực trạng. Có nhiều khái niệm sử dụng mà không được giải thích: bản quyền, truyền hình quảng bá, truyền hình trả tiền… Về bản quyền, Luật Báo chí sử dụng hơn 50 lần từ “bản quyền” nhưng tôi rà soát hệ thống pháp luật không thấy có khái niệm “bản quyền” là gì nên chuyện tranh chấp là tất yếu. Quay trở lại dự thảo này, các khái niệm không hề rõ ràng và không đi trước mà còn thụt lùi so với thực tế.

Về chủ thể được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình, dự thảo quy định chủ thể là doanh nghiệp, chỉ có doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ. Chúng tôi đã từng tham dự một hội thảo về lĩnh vực phát thanh – truyền hình và rất nhiều đài truyền hình đã đề nghị sửa quy định này, cho phép các chủ thể khác cũng được phép cung cấp dịch vụ truyền hình. Ví dụ như đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan báo chí… cũng được cấp phép để cung cấp dịch vụ truyền hình. Ví dụ như chúng tôi có các kênh truyền hình từ kênh VTV1 đến kênh VTV9 nhưng chúng tôi lại không được cung cấp các kênh đó, lại phải qua một doanh nghiệp khác, doanh nghiệp đó lại đi xin quyền phát sóng của tôi; như vậy là bất hợp lý. Dự thảo lại bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp vừa được làm nội dung, vừa được cung cấp dịch vụ truyền hình. Trong khi kênh truyền hình của chúng tôi nhưng chúng tôi lại không được quyền tự cung cấp, như vậy là bất bình đẳng. Các nghị quyết chính trị cũng yêu cầu các đài phải tiến tới tự chủ tài chính, vừa phải nộp thuế, đảm bảo mục tiêu, tuyên truyền chính trị của Đảng và Nhà nước…

**Ông Trần Xuân Ngữ – Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Nam Định**

Thứ nhất, về các kênh thiết yếu, các đơn vị được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình cáp thì phải nằm trong thoả thuận của đơn vị cấp các kênh thiết yếu, điều này là không cần thiết. Do các đơn vị khi đăng ký cung cấp dịch vụ truyền hình cáp đã có yêu cầu bắt buộc họ phải cung cấp các kênh truyền hình thiết rồi. Bộ Thông tin truyền thông nên liệt kê bao nhiêu kênh là kênh thiết yếu cần phải phát là được, nếu vi phạm thì có chế tài. Bây giờ bắt một doanh nghiệp khi cung cấp dịch vụ phải đi xin từng đài một để phát sóng kênh (truyền hình nhân dân, truyền hình quốc hội, thông tấn xã…) thì quá vất vả, không dễ dàng gì để gặp được từng ông giám đốc của từng đài để xin ký cấp phát. Nên quy định theo hướng bắt buộc phải phát các kênh thiết yếu nhưng không cần đi xin phép.

Thứ hai, bổ sung quy định về giá sàn cho doanh nghiệp. Hiện nay, hầu hết các tỉnh việc cung cấp dịch vụ truyền hình cáp đều là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các doanh nghiệp này đã đầu tư 15 – 20 năm nay, vay vốn kinh doanh một thời gian dài đến bây giờ mới phát triển được khá một chút thì lại gặp phải các doanh nghiệp lớn với khuyến mại quá mạnh tay. Nếu không quy định giá sàn thì các doanh nghiệp vừa và nhỏ không cạnh tranh được sẽ phá sản.

Thứ ba, quy định cho các doanh nghiệp mới được kinh doanh dịch vụ truyền hình trả tiền. Các doanh nghiệp hầu hết phải vay vốn ngân hàng, huy động vốn để đầu tư hạ tầng kinh doanh dịch vụ trả tiền. Nếu sửa theo hướng cấp phép cho các đơn vị sự nghiệp cũng được phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền thì sẽ bất lợi cho doanh nghiệp tư nhân. Các đơn vị này sử dụng vốn nhà nước, có điều kiện đầu tư hạ tầng, giảm giá rẻ thì các doanh nghiệp vừa và nhỏ không thể cạnh tranh được. Thủ tướng hiện đang khuyến khích tạo điều kiện phát triển cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, thành lập các doanh nghiệp mới…

**Ông Phạm Xuân Hoà – Công ty CP Viễn thông FPT**

Khoản 3 Điều 22 dự thảo quy định: Bộ Thông tin truyền thông được quyền quy định danh mục sự kiện thể thao có tác động xã hội mà phải trực tiếp phát sóng lại trên truyền hình quảng bá. Bản quyền chương trình thể thao thì doanh nghiệp phải bỏ tiền ra mua chứ không tự nhiên mà có. Để thu hồi tiền bản quyền thì có 02 cách: bán lại cho các đài khác hoặc bán quảng cáo. Với những giải thể thao có chi phí bản quyền rất lớn như World Cup, các doanh nghiệp không thể chỉ thu hồi vốn bằng 1 hình thức là quảng cáo được mà phải thông qua nhiều hình thức khác nhau. Nếu quy định World Cup phải phát trên truyền hình quảng bá thì sẽ ảnh hưởng rất lớn đến bài toán kinh doanh của các doanh nghiệp. Thứ hai, gần đây có một sự việc là đơn vị sở hữu bản quyền họ không chỉ bán cho 1 đài mà bán cho nhiều đài và theo nhiều hình thức khác nhau, họ bán cho cả VTV – truyền hình quảng bá và các đơn vị truyền hình trả tiền khác. Vậy khi một đơn vị truyền hình trả tiền mua lại bản quyền như vậy thì có vi phạm quy định của Bộ hay không? Trong này chỉ hướng dẫn danh mục mà không hướng dẫn thủ tục khi thực hiện mua, bán bản quyền phát sóng; như vậy rất khó cho doanh nghiệp.

**Ông Nguyễn Quang Đồng – Viện trưởng Viện Nghiên cứu chính sách và phát triển truyền thông**

Kiến nghị Bộ Thông tin truyền thông nên nhìn rộng vấn đề, có tầm nhìn chung để sửa Nghị định 06 và Nghị định 72 cũ đã sửa đổi thành Nghị định 27 đầu năm nay và trong bối cảnh có cả 1 nghị định về an ninh mạng nữa, tất cả đều quản lý về nội dung số. Vậy chúng ta nên có 1 nghị định chung để quản lý về nội dung số không hay cứ xé lẻ ra quản lý như hiện nay?

Câu chuyện anh Hải vừa chia sẻ rất thực tế khi các cơ quan nhà nước chia nhỏ ra để quản lý, mỗi Bộ lại nắm một phần thẩm quyền. Không nên làm đề xuất các ĐKKD nữa mà nên chuyển sang quản lý rủi ro, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Không thể cứ thấy có hoạt động kinh doanh mới là đặt ra ĐKKD để quản lý.

Trong lĩnh vực này, vấn đề mà Bộ Thông tin truyền thông quan tâm là kiểm soát nội dung. Với công nghệ tiến bộ chúng ta có rất nhiều cách để kiểm soát được nội dung theo định hướng nhà nước, kiểm soát các mối lo của ban tuyên giáo, của Bộ Thông tin truyền thông… cần phải áp dụng các công cụ công nghệ mới chứ không kiểm soát theo kiểu cấp phép, kiểm soát biên, phiên dịch nữa. Bộ cần phải thay đổi về tư duy quản lý.

Tóm lại, đề xuất không nên sửa từng nghị định cụ thể mà nên rà soát một loạt các nghị định trong các lĩnh vực này và sửa một lần thôi thì mới hiệu quả, mới là tầm nhìn của Chính phủ.

**Ông Đậu Anh Tuấn**

Cảm ơn chuyên gia. Cảm ơn quý vị đã thảo luận rất sôi nổi, chất lượng với nội dung rất kĩ thuật như hiện nay. Nó sẽ ảnh hưởng rất lớn đối với các doanh nghiệp trong ngành truyền hình, ảnh hưởng gián tiếp đến người dùng cả nước và ảnh hưởng đến sự hấp dẫn của thị trường về nội dung số – nơi có rất nhiều start-up, doanh nghiệp đang có tiềm năng phát triển. Việc đóng góp, xây dựng nghị định cũng có nhiều góc độ khác nhau. Xét về mặt quy trình, Bộ Thông tin truyền thông có thể cũng có lý khi họ cho rằng đã hết thời gian thu thập ý kiến. Những ý kiến quý báu ngày hôm nay chúng tôi sẽ tổng hợp đầy đủ gửi cho cơ quan soạn thảo, Bộ Tư pháp – cơ quan thẩm định dự thảo này và Văn phòng Chính phủ, nếu còn nhiều tranh cãi chắc chắn họ sẽ phải yêu cầu cơ quan soạn thảo giải trình. Thông tin hôm nay sẽ được đặt lên bàn ban soạn thảo và các cơ quan có liên quan. Tất nhiên, cơ quan quản lý nhà nước có nhiều lợi ích cần cân nhắc: lợi ích doanh nghiệp, lợi ích người tiêu dùng, giá trị văn hoá, vấn đề về an ninh xã hội, nội dung tuyên giáo… Nhưng nếu ban hành văn bản mà lợi ích chưa thấy đâu đã thấy quá nhiều cản trở thì cần phải sửa đổi. Trong quá trình xây dựng chính sách, càng thảo luận, càng trao đổi sẽ càng tìm ra được phương án phù hợp nhất; càng minh bạch quá trình thảo luận sẽ càng tạo ra hiệu ứng tốt, kéo dài tuổi thọ cho văn bản.